

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TIẾNG VIỆT KHỐI LỚP 4
TUẦN 5
TIẾNG VIỆT

1. Chính tả (nghe – viết)

Buổi sáng trên bờ biển

Sáng sớm, trời quang hắt ra. Đêm qua, một bàn tay nào đã gội rửa vòm trời sạch bóng. Màu mây xám đã nhường chỗ cho một màu trắng phớt xanh như màu men sứ. Đàng đông, trên phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ngăn không cho thấy biển khơi, ai đã ném lên bốn, năm màng mây hồng to tướng, lại điểm xuyết thêm ít nét mây mờ gà vút dài thanh mảnh.

2. Điền vào chỗ trống:

a) **ch** hay **tr**?

...uyên ...ong vòm lá

...im có gì vui

Mà nghe riu rít

Như ...ẻ reo cười?

b) **r, d** hay **gi**?

Mưa ...ăng trên đồng

Uốn mềm ngọn lúa

Hoa xoan theo ...ó

...ải tím mặt đường.

.....

3. Điền tiếng **đánh** hay tiếng **đá** vào chỗ trống để có tên gọi trò chơi thích hợp

..... bóng chuyền
..... cầu mây
..... cầu long
..... đảo lố

..... bóng bàn
..... banh (bóng)
..... cầu giấy
..... cờ tướng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Cây nhút nhát

Gió rào rào nổi lên. Có một tiếng động gì lạ lắm. Những chiếc lá khô lạt xạt lướt trên cỏ. Cây xấu hổ co rúm mình lại. Nó bỗng thấy xung quanh lao xao. He hé mắt nhìn: không có gì lạ cả. Lúc bấy giờ nó mới mở bừng những con mắt lá và quả nhiên không có gì lạ thật.

Theo Trần Hoài Dương

Bài 1. Ghi lại các từ láy có trong đoạn văn trên:

.....
.....

Bài 2. Dựa vào từ láy **đập dềnh**, hãy tạo 3 từ láy khác bằng cách thay đổi bộ phận âm đầu hoặc thanh (hoặc cả âm đầu và thanh) ở 2 tiếng sao cho thích hợp.

.....
.....

Bài 3. Em hãy đặt 2 câu kể Ai thế nào? , sau đó xác định chủ ngữ, vị ngữ ở mỗi câu.

.....
.....
.....
.....

Bài 4. Dùng gạch dọc tách bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu:

- a. Vào những ngày giáp tết, đường quê lúc nào cũng tấp nập người qua lại.
- b. Các gian hàng mứt, kẹo, hoa quả luôn đông khách.
- c. Tối giao thừa, vài nhà còn đốt lửa với nồi bánh chưng.
- d. Mình thấy thật ấm lòng khi nhìn ngọn lửa hồng bập bùng trong đêm.
- e. Sáng mừng một, mình ra sân hít thở không khí mùa xuân và ngắm nhìn hoa đào đỏ thắm trước sân nhà.
- g. Mùa xuân đã về.

Bài 5. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu hoàn chỉnh:

- a) Cả lớp em
- b) Đêm giao thừa.....
- c) Cảnh đào đỏ thắm
- d) Chim én là loài chim báo hiệu

Câu 6. Điền tiếng **kiên** hoặc tiếng **quyết** vào chỗ trống để tạo thành các từ ghép hợp nghĩa:

- | | |
|------------|-----------|
|cường |liệt |
|chiến |tâm |
|trung |tử |

TẬP LÀM VĂN

Đề bài: Em hãy tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TIẾNG VIỆT KHỐI LỚP 4

TUẦN 6

TIẾNG VIỆT

1. Chính tả (nghe – viết)

Hãy cho mình một niềm tin

Có gia đình nhà én đang bay đi trú đông. Chú én con mới đang tập bay. Đây là lần đầu tiên, én con phải bay xa đến vậy. Trên đường đi, gia đình én bay qua một con sông lớn, nước chảy xiết. Chú én con sợ hãi nhìn dòng sông mà không dám bay qua. Én sợ rằng lúc bay qua sông, nó sẽ bị chóng mặt và rơi xuống mất. Bố mẹ động viên én rất nhiều nhưng én vẫn không dám bay qua. Bố liền ngắt cho én một chiếc lá rồi nói:

-Con hãy cầm chiếc lá thần kì này. Nó sẽ bảo vệ cho con được an toàn.

Theo: Nguyễn Thị Thu Hà

Câu 1 : Chọn **ch** hoặc **tr** để điền vào chỗ trống :

a. Mọi người đềuămú nghe cô giáo giảng bài.

Cuối cánh đồng, ông trăngònĩnh dịu dàng nhô lên.

b. Con người là một sinh vật có tuệ vượt lên trên mọi loài, có phẩm kì diệu là biết mơ ước. Chính vì vậy, họ khám phá được những bí mật nằm sâu lòng đất, ngự được đại dương, phục được khoảng không vũ bao la. Họ là những nhân xứng đáng của thế giới này.

Câu 2 : Chọn **uộc** hoặc **uôt** để điền vào chỗ trống :

Ở bệnh viện có nhiều cửa hàng bán th.....

Tôi và nó là hai chị em r.....

Câu 3: Điền chữ có vần **ươn** hoặc **ương** vào chỗ trống:

Chim uyên là một loài thủy cầm xinh đẹp thuộc bộ ngỗng.

Chim trống và chim mái đi theo cặp, bay cùng nhau, rửa lông

cho nhau. Có lẽ vì trông thấy cảnh này mà người xưa đã coi chim uyên là biểu cho tình yêu sắt son, chung thủy.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

1. Từ nào sau đây có đủ cả ba bộ phận của tiếng?
a. ta b. oán c. ơn
2. Trong ba bộ phận của tiếng, bộ phận nào có thể không có?
a. Vần b. Thanh c. Âm đầu
3. Bộ phận âm đầu của tiếng "quà" là gì?
a. q b. qu c. Cả hai ý trên
4. Bộ phận vần của tiếng "oán" là gì?
a. oa b. an c. oan

Câu 2. Xếp các từ ghép trong ngoặc đơn thành hai nhóm dựa theo nghĩa của tiếng **trung** (**trung bình, trung thành, trung nghĩa, trung thực, trung thu, trung hậu, trung kiên, trung tâm**).

a) Trung có nghĩa là “ ở giữa”

.....

b) Trung có nghĩa “một lòng một dạ” :

.....

Câu 3. Tìm tiếng thích hợp ghép với tiếng **thẳng**, tiếng **thật** và ghi vào chỗ trống để có được các từ *ghép* cùng nghĩa với từ *trung thực*.

1. ngay
2. thẳng
3. thật
4. thật
5. chân
6. thật

Câu 4. Tìm các câu kể **Ai làm gì?** có trong đoạn văn dưới đây, rồi xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu đó

Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha tôi làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại biết đan cả mảnh cọ và làn cọ xuất khẩu.

Câu 5. Gạch chân dưới các từ không phải là động từ lần trong mỗi dãy:

- a) cho, biếu, tặng, sách, mượn, lấy
- b) ngồi, nắm, cây, đi đứng, chạy, nhanh
- c) ngủ, thức, êm, khóc, cười, hát, nhà.

.....
Câu 6. Xếp các từ có tiếng **chí** sau đây vào hai nhóm: *chí phải, ý chí, chí lí, chí thân, chí khí, chí tình, chí hướng, chí công, quyết chí*.

a) **Chí** có nghĩa là rất, hết sức (biểu thị mức độ cao nhất):

.....

b) **Chí** có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp:

.....

TẬP LÀM VĂN

Đề bài: Em hãy tả cái áo em thường mặc đến trường.

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features multiple horizontal rows, each consisting of two parallel dotted lines with a larger gap between them, creating a space for writing. The pattern repeats down the entire length of the page.